TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 382/2023/DS-PT
Ngày: 13-7- 2023
V/v tranh chấp chia thừa kế theo di chúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp *"Chia thừa kế theo di chúc"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 612/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Lê Thị H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 115/3 N, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Lê Thị H1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn H2, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Trần Ngọc Đ, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn H3, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1992;

3. Nguyễn Văn G, sinh năm 1993;

4. Nguyễn Hoàng T, sinh năm 2010;

5. Nguyễn Hoàng A, sinh năm 2013;

Đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Hoàng A: Nguyễn Văn G, sinh năm 1993 (cha ruột) và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1992 (mẹ ruột);

Địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1998;

7. Lê Thanh H4, sinh năm 1993;

8. Lê Nguyễn Quỳnh Q, sinh năm 2017;

Đại diện theo pháp luật của cháu Lê Nguyễn Quỳnh Q: Lê Thanh H4, sinh năm 1993 (cha ruột) và Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1998 (mẹ ruột);

Địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9. Trần Ngọc Đ, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người kháng cáo: Nguyên đơn Lê Thị H, Lê Thị H1, bị đơn Nguyễn Văn H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

** Nguyên đơn bà Lê Thị H, Lê Thị H1 trình bày:*

Mẹ ruột của bà H, bà H1 là cụ Lê Thị B sinh năm 1941, mất năm 2019, cha ruột là cụ Nguyễn Văn Bé B sinh năm 1936, mất năm 1970. Cụ B có tất cả là 04 người con gồm: Nguyễn Văn H3, Lê Thị H1 (Nguyễn Thị H1), Lê Thị H (Nguyễn Thị H), Nguyễn Văn H2. Lúc còn sống cụ B có tạo lập được phần tài sản gồm: Thửa 557, diện tích 3.380m², tờ bản đồ số 1, loại đất 2L; Thửa 566, diện tích 3.740m², tờ bản đồ số 1, loại đất TQ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0020434 ngày 19/5/1997. Đối với thửa 557 bà H1 và bà H không tranh chấp. Đối với thửa 566, vào ngày 03/7/2001 cụ B có lập di chúc chia cho bốn người con mỗi người được hưởng một phần như sau: Bà H1 được chia 500m², bà H được chia 1000m², ông H2 được chia 620m². Còn lại 1.620m² cụ B quản lý đến khi cụ B mất sẽ chia đều cho ông H3 và ông H2 mỗi người là

810m². Căn nhà của cụ B thì giao lại cho ông H2 quản lý, thờ cúng.

Ngày 07/10/2003 cụ B chuyển cho ông H2 phần đất 2.010m² thửa 566 và ông H2 đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa 566 còn lại là 1.730m², đo đạc thực tế là 1.416m². Ngày 03/4/2019 cụ B mất và phần đất còn lại của thửa 566 ông H2 đang quản lý, sử dụng. Trên đất có hai căn nhà gồm: căn nhà thờ của cụ B để lại hiện do anh Nguyễn Văn G là con ruột của ông H2 cùng với vợ là Nguyễn Thị Ngọc N và 02 con là Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Hoàng A đang ở và một căn nhà tình nghĩa do Ủy ban nhân dân xã S tặng cho ông H2 hiện chị Nguyễn Thị Ngọc C là con ruột của ông H2 cùng chồng là Lê Thanh H4 và con tên Lê Nguyễn Quỳnh Q đang ở.

Nay bà H1 và bà H yêu cầu chia thừa kế theo di chúc phần diện tích đất còn lại thuộc thửa 566, diện tích đo đạc thực tế là 1.416m², yêu cầu chia cho bà H1 được nhận kỷ phần theo di chúc là 500m², bà H là 1000m². Đối với hai căn nhà trên thửa 566 do ông H2 cùng các con đang quản lý nếu ai được nhận thì hoàn lại phần giá trị theo biên bản định giá cho ông H2.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 và đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Ngọc Đ thống nhất trình bày:* Bị đơn thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ B để lại, thống nhất nội dung Di chúc ngày 03/7/2001 của cụ B.

Đối với phần đất thửa 566 diện tích còn lại qua đo đạc thực tế là 1.416m², ông H2 yêu cầu được chia thừa kế căn nhà của cụ B và phần đất diện tích là 611,1m² (ký hiệu bản vẽ là 566A, vị trí phần đất có căn nhà của cụ B). Đối với phần diện tích đất còn lại là 805,6m² (ký hiệu bản vẽ là 566B) ông H2 yêu cầu chia đều cho 04 người con của cụ B là ông H3, ông H2, bà H1, bà H mỗi người được nhận một phần bằng nhau.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn H3 trình bày:* Ông H3 thống nhất theo lời trình bày của bị đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc Đ trình bày*: Thống nhất theo toàn bộ lời trình bày của ông H2, không có bổ sung gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị Ngọc C, Lê Thanh H4 có đơn xin vắng mặt*. Tại bản khai đề ngày 13/11/2021 các đương sự không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Áp dụng Điều 26, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 357, 612, 613, 624, 630, 643, 659 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 95 Luật đất đai;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H1, Lê Thị H và một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H3 về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị B.

Xác định di sản của cụ Lê Thị B để lại là diện tích đất 1.730m² (đo đạc thực tế là 1.416m²) và căn nhà có kết cấu cột bê tông, vách tường tô hai mặt, nền gạch men, mái tole sóng vuông có diện tích là 82,47m² thuộc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 1 tại ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Lê Thị H1 diện tích đất 188,8m² thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 1 (Theo vị trí S1, ký hiệu bản vẻ là 566B tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C), tứ cận thửa đất như sau:

Bắc giáp thửa đất số 567 của ông Nguyễn Văn U.

Nam giáp phần đất chia cho bà Lê Thị H.

Đông giáp thửa đất số 880 của ông Nguyễn Văn H2.

Tây giáp kênh, đường Lộ Me.

Chia cho bà Lê Thị H diện tích đất 379,3m² thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 1 (Theo vị trí S2, ký hiệu bản vẻ là 566B tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C), tứ cận thửa đất như sau:

Bắc giáp phần đất chia cho bà Lê Thị H1.

Nam giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn H3.

Đông giáp thửa đất số 880 của ông Nguyễn Văn H2.

Tây giáp kênh, đường Lộ Me.

Chia cho ông Nguyễn Văn H3 diện tích đất 237,5m² thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 1 (Theo vị trí S3, ký hiệu bản vẻ là 566B tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C), tứ cận thửa đất như sau:

Bắc giáp phần đất chia cho bà Lê Thị H.

Nam giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn H2.

Đông giáp thửa đất số 880 của ông Nguyễn Văn H2.

Tây giáp kênh, đường Lộ Me.

Chia cho ông Nguyễn Văn H2 được nhận căn nhà của cụ Lê Thị B có kết cấu cột bê tông, vách tường tô hai mặt, nền gạch men, mái tole sóng vuông có diện tích 82,47m² và phần diện tích đất 611,1m² thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 1 (Theo vị trí 566A tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C), tứ cận thửa đất như sau:

Bắc giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn H3.

Nam giáp đường bê tông.

Đông giáp thửa đất số 880 của ông Nguyễn Văn H2.

Tây giáp kênh, đường Lộ Me.

(Có sơ đồ bản vẻ kèm theo)

Bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn H3 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2/ Ông Nguyễn Văn H2 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Văn H3 số tiền là 105.300.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm nghìn đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H3 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H2 chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí cho bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn H3.

Hoàn lại cho bà Lê Thị H1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0003010 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0003011 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án bản án sơ thẩm còn tuyên về phần quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/01/2023, nguyên đơn bà Lê Thị H1, Lê Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm được nhận kỷ phần thừa kế theo di chúc đối với bà H1 là 500m^2, đối với bà H là 1000m^2.

Ngày 30/01/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn H2 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận cho ông được nhận 611,1m^2 thửa đất số 566, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Không đồng ý hoàn lại giá trị phần đất 70.2m^2 cho ông Nguyễn Văn H3.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn nguyên đơn bà Lê Thị H1, Lê Thị H rút yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm. Chấp nhận theo quyết định án sơ thẩm

Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Không đồng ý hoàn lại giá trị phần đất 70.2m^2 cho ông Nguyễn Văn H3.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H3 tại phiên tòa phúc thẩm đồng ý không yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Văn H3 số tiền là 105.300.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm nghìn đồng).

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hướng:

1/ Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H1, Lê Thị H.

2/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H2.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H3 đồng ý không yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Văn H3 số tiền là 105.300.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị H1, Lê Thị H, bị đơn ông Nguyễn Văn H2 có đại diện theo ủy quyền bà Trần Ngọc Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H3 có mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị H1, Lê Thị H, bị đơn ông Nguyễn Văn H2 có đại diện theo ủy quyền bà Trần Ngọc Đ còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Chia thừa kế theo di chúc" là đúng quy định của Bộ luật Dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Lê Thị H1, Lê Thị H, bị đơn ông Nguyễn Văn H2 có đại diện theo ủy quyền bà Trần Ngọc Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H3 trình bày đều thống nhất: Mẹ ruột là cụ Lê Thị B sinh năm 1941, mất năm 2019, cha ruột là cụ Nguyễn Văn Bé B sinh năm 1936, mất năm 1970. Cụ B và cụ Bé Ba có tất cả là 04 người con gồm: Nguyễn Văn H3, Lê Thị H1 (Nguyễn Thị H1), Lê Thị H (Nguyễn Thị H), Nguyễn Văn H2. Lúc còn sống cụ B có tạo lập được phần tài sản gồm: Thửa 557, diện tích 3.380m², tờ bản đồ số 1, loại đất 2L; Thửa 566, diện tích 3.740m², tờ bản đồ số 1, loại đất TQ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0020434 ngày 19/5/1997.

Khi còn sống cụ Lê Thị B có lập tờ di chúc để lại cho các con theo các phần diện tích đất như trong di chúc, đến ngày 07/10/2003 cụ B chuyển cho ông

H2 phần đất 2.010m² thửa 566 và ông H2 đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa 566 còn lại là 1.730m², đo đạc thực tế là 1.416m².

Nay bà H1 và bà H yêu cầu chia theo di chúc thửa 566 còn lại là 1.730m², đo đạc thực tế là 1.416m². Cấp sơ thẩm đã xác định phần di sản của cụ B để lại cho những người thừa kế chỉ còn lại một phần, căn cứ vào Điều 643 Bộ luật dân sự năm 2015 thì phần di chúc về phần tài sản còn lại vẫn có hiệu lực. Cấp sơ thẩm đã chia cho 04 kỷ phần theo tỉ lệ phần diện tích đất còn lại là đúng theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà Lê Thị H1, Lê Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm chia theo đúng nội dung di chúc là bà H1 yêu cầu được chia 500m^2, bà H yêu cầu được chia 1000m^2, tại phiên tòa phúc thẩm qua phân tích bà Lê Thị H1, Lê Thị H rút yêu cầu kháng cáo chấp nhận với quyết định án sơ thẩm. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H2, có đại diện ủy quyền là Trần Ngọc Đ kháng cáo xin không hoàn lại giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Văn H3 số tiền là 105.300.000 đồng lý do xin được dùng số tiền này dùng vào việc thờ cúng cha mẹ của các anh em trong gia đình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H3 trình bày ông thống nhất như lời trình bài của bà H1 và bà H cũng như phần đất của cụ Lê Thị B để lại, cấp sơ thẩm đã xét xử buộc ông Nguyễn Văn H2 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông số tiền 105.300.000 đồng, nay ông H2 kháng cáo xin không phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho ông số tiền là 105.300.000 đồng lý do xin được dùng số tiền này dùng vào việc thờ cúng cha mẹ của các anh em trong gia đình, ông cũng đồng ý và không yêu cầu ông H2 hoàn lại cho ông. Xét thấy đây là sự thoả thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 289, Điều 300, khoản 2, 5 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 357, 612, 613, 624, 630, 643, 659 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 95 Luật đất đai;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị H1 và Lê Thị H.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H2.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H1, Lê Thị H và một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H3 về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị B.

Xác định di sản của cụ Lê Thị B để lại là diện tích đất 1.730m² (đo đạc thực tế là 1.416m²) và căn nhà có kết cấu cột bê tông, vách tường tô hai mặt, nền gạch men, mái tole sóng vuông có diện tích là 82,47m² thuộc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 1 tại ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Lê Thị H1 diện tích đất 188,8m² thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 1 (Theo vị trí S1, ký hiệu bản vẻ là 566B tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C), tứ cận thửa đất như sau:

Bắc giáp thửa đất số 567 của ông Nguyễn Văn U.

Nam giáp phần đất chia cho bà Lê Thị H.

Đông giáp thửa đất số 880 của ông Nguyễn Văn H2.

Tây giáp kênh, đường Lộ Me.

Chia cho bà Lê Thị H diện tích đất 379,3m² thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 1 (Theo vị trí S2, ký hiệu bản vẻ là 566B tại phiếu xác nhận

kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C), tứ cận thửa đất như sau:

Bắc giáp phần đất chia cho bà Lê Thị H1.

Nam giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn H3.

Đông giáp thửa đất số 880 của ông Nguyễn Văn H2.

Tây giáp kênh, đường Lộ Me.

Chia cho ông Nguyễn Văn H3 diện tích đất 237,5m² thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 1 (Theo vị trí S3, ký hiệu bản vẻ là 566B tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C), tứ cận thửa đất như sau:

Bắc giáp phần đất chia cho bà Lê Thị H.

Nam giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn H2.

Đông giáp thửa đất số 880 của ông Nguyễn Văn H2.

Tây giáp kênh, đường Lộ Me.

Chia cho ông Nguyễn Văn H2 được nhận căn nhà của cụ Lê Thị B có kết cấu cột bê tông, vách tường tô hai mặt, nền gạch men, mái tole sóng vuông có diện tích 82,47m² và phần diện tích đất 611,1m² thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 1 (Theo vị trí 566A tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C), tứ cận thửa đất như sau:

Bắc giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn H3.

Nam giáp đường bê tông.

Đông giáp thửa đất số 880 của ông Nguyễn Văn H2.

Tây giáp kênh, đường Lộ Me.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn H3 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H3 không yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 hoàn lại giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Văn H3 số tiền là 105.300.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm nghìn đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí cho bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn H3.

Hoàn lại cho bà Lê Thị H1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0003010 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000đồng theo biên lai thu số 0003011 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án .

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Triều